

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 204/2024/DS-PT

Ngày: 30-12-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2024/TLPT-DS ngày 05/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 491/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 246/2024/DS-PT ngày 10 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 272/2024/DS-PT ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị D, sinh năm: 1968; cư trú tại thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền ông: Lê Thanh D1, sinh năm: 1967; cư trú tại số A, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2024).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm: 1974; cư trú tại số nhà C, đường S, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Thị H và luật sư Đỗ Quốc A – Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh L.

- *Người làm chứng:* Ông Tô Việt H1, sinh năm: 1990; cư trú tại thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bà Ngô Thị D – Nguyên đơn; Bà Nguyễn Thị Thúy P – Bị đơn

(Bà D, ông D1, bà P, luật sư H, luật sư Quốc A có mặt tại phiên tòa; ông H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Đơn khởi kiện ngày 21/8/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/10/2023; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị D trình bày:* Do mối quan hệ quen biết, làm ăn qua lại với nhau nên từ năm 2018 đến tháng 7 năm 2023 bà P vay tiền của bà nhiều lần, có khoản vay đã trả có khoản vay chưa trả, những khoản bà P đã trả thì bà đã trả giấy vay cho bà P, các khoản vay bà P chưa trả cụ thể như sau:

Vào ngày 07/10/2022 hai bên tính toán thì bà P còn nợ bà số tiền 2.200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, từ ngày 07/10/2022 đến ngày 30/5/2023 là 7 tháng 24 ngày $\times 2.200.000.000đ \times 3\%/tháng = 514.800.000đ$; đầu tháng 02/2023 bà cho bà P vay số tiền 470.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, từ ngày 01/02/2023 đến ngày 30/5/2023 là 4 tháng $\times 470.000.000đ \times 1,5\%/tháng = 28.200.000đ$, tổng số tiền lãi là 543.000.000đ, bà P trả cho bà nhiều lần được số tiền lãi là 213.000.000đ, còn nợ lại tiền lãi 330.000.000đ và tiền gốc 2.670.000.000đ, tổng gốc và lãi là 3.000.000.000đ.

Ngày 01/6/2023 bà P vay tiếp bà số tiền 400.000.000đ, sau đó hai bên chốt lại khoản vay ngày 01/6/2023 số tiền 400.000.000đ, khoản vay ngày 07/10/2022 số tiền 2.200.000.000đ và ngày 01/02/2023 số tiền 470.000.000đ và tiền lãi còn thiếu 330.000.000đ, tổng cộng là 3.400.000.000đ, bà và bà P thống nhất chốt nợ mới, nợ cũ và ghi thêm vào giấy ngày 01/6/2023 số tiền 3.400.000.000đ. Vào ngày 01/06/2023 thì không có nội dung: số “03” và chữ viết “ba tỷ” chữ viết “các khoản trước đây đã TT xong”, sau đó bà với bà P mới thống nhất cộng các khoản nợ lại nên bà ghi vào sau có sự nhất trí và chứng kiến của bà P, sau khi chốt số tiền 3.400.000.000đ hai bên xác nhận “các khoản trước đây đã TT xong”. Còn cụ thể ghi thêm vào ngày nào thì bà không nhớ. Khoản tiền 3.400.000.000đ bà P chưa trả cho bà, sau khi chốt khoản vay này thì bà đồng ý để bà P trả dần và không tính lãi.

Vào ngày 13/7/2023 bà cho bà P vay số tiền 2.200.000.000đ và vào ngày 15/7/2023 bà cho bà P vay số tiền 1.030.000.000đ. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 15 ngày.

Để không nhầm lẫn với khoản vay ngày 01/6/2023 do hai bên đã thống nhất trước đó, nên ngày 15/7/2023 sau khi cho bà P vay số tiền 1.030.000.000đ, bà và bà P đã xác nhận khoản vay ngày 13/7/2023 và ngày 15/7/2023 không liên quan đến khoản vay ngày 01/6/2023. Bà khẳng định giấy vay tiền ngày 01/6/2023 với khoản tiền vay ngày 13/7/2023 và ngày 15/7/2023 là 03 khoản vay khác nhau. Các lần bà P vay bà đều đưa tiền mặt cho bà P và bà P có xác nhận là đã nhận tiền mặt.

Đối với số tiền vay gốc 3.400.000.000đ trong giấy chót nợ ngày 01/6/2023 thì hai bên thỏa thuận không tính lãi nên bà không yêu cầu tiền lãi. Đối với số tiền lãi của khoản vay ngày 13/7/2023, số tiền gốc 2.200.000.000đ, mức lãi suất 1.66%/tháng, tính từ ngày 13/7/2023 đến ngày 06/9/2024 là 13 tháng 24 ngày x 2.200.000.000đ x 1.66%/tháng = 505.436.000đ. Đối với số tiền lãi của khoản vay ngày 15/7/2023, số tiền gốc 1.030.000.000đ, mức lãi suất 1.66%/tháng, tính từ ngày 15/7/2023 đến ngày 06/9/2024 là 13 tháng 22 ngày x 1.030.000.000đ x 1.66%/tháng = 235.610.000đ. Tổng cộng tiền lãi của hai khoản vay ngày 13/7/2023 và 15/7/2023 là 741.046.000đ.

Nay bà yêu cầu bà P trả cho bà số tiền 7.371.046.000đ, trong đó tiền vay gốc là 6.630.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 06/9/2024 là 741.046.000đ. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Đối với các tin nhắn zalo và tin nhắn điện thoại bà P cung cấp cho Tòa án và tin nhắn bà cung cấp cho Tòa án thể hiện việc hai bên nhắn tin qua lại rất nhiều và tin nhắn đã bị bà và bà P xóa nên không đảm bảo tính khách quan, có những tin nhắn liên quan đến việc bà và bà P trao đổi những khoản tiền vay góp hàng ngày thì bà và bà P đã xóa, các chứng cứ bà P in ra nộp cho Tòa án là tiền góp, không phải là chứng cứ của việc trả các khoản tiền trên.

Đối với nội dung ghi âm, ghi hình bà P cung cấp là không đầy đủ, đoạn ghi âm, ghi hình không rõ hình ảnh, nghe không rõ được hết nội dung hai bên trao đổi, nội dung chỉ nghe được việc nói đến khoản vay ngày 13/7/2023 và ngày 15/7/2023 số tiền 3.230.000.000đ; khoản vay trước đó 3.400.000.000đ hai bên không trao đổi vì đã thống nhất thỏa thuận với nhau bà P sẽ trả dần và hai bên đã viết giấy thỏa thuận khoản vay ngày 13/7/2023 và ngày 15/7/2023 không liên quan đến khoản vay ngày 01/6/2023. Việc bà P ghi âm, quay phim không xuyên suốt quá trình trao đổi giữa hai bên từ đầu, không đúng nội dung nói chuyện giữa hai bên, vì hai bên đã thống nhất khoản nợ 3.400.000.000đ ngày 01/6/2023 sẽ để bà P trả dần, không để chồng bà P biết, nên hai bên chỉ trao đổi về việc chót số nợ

đối với giấy vay ngày 13/7/2023 và ngày 15/7/2023. Do trong giấy vay tiền ngày 13/7/2023 và ngày 15/7/2023 không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ nên ngày 08/8/2023 bà trao đổi với bà P hai bên chốt khoản vay ngày 13/7/2023 và ngày 15/7/2023 lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 20 ngày nên bà ghi lại giấy vay ngày 13/7/2023 số tiền 3.230.000.000đ có nội dung lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn vay 20 ngày nhưng bà P chưa ký mà đòi bà đưa hai giấy vay ngày 13/7/2023 và ngày 15/7/2023 nên bà không đồng ý.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy P, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Bà với bà D có quan hệ qua lại làm ăn, vay tiền nhiều lần từ năm 2018, lãi suất vay có lúc 2.000đ/ngày/1.000.000đ, có 01 khoản vay 300.000.000đ, lãi suất 2.500đ/ngày/1.000.000đ. Quá trình vay thì có khoản đã trả gốc có khoản chưa trả. Những khoản vay vào năm 2018, 2019, 2020 thì bà vay và trả gốc lãi đầy đủ.

Năm 2021 thì bà vay nhiều lần, cụ thể từng lần vay bà không nhớ, sau đó hai bên tính toán tiền gốc và lãi là 1.500.000.000đ, ngày nào chốt số tiền này thì bà không nhớ, sau đó bà có trả được một ít nhưng không nhớ số tiền cụ thể, đến 07/10/2022 bà và bà D tính toán chốt lại tiền gốc và lãi là 2.200.000.000đ. Số tiền 2.200.000.000đ tính lãi như sau: số tiền 300.000.000đ x 2.500đ/ngày x 30 ngày = 22.500.000đ/tháng nhưng bà D lấy 22.000.000đ/tháng, tính từ ngày 07/10/2022 đến ngày 01/2/2023 là 4 tháng x 22.000.000đ/tháng = 88.000.000đ; còn số tiền 1.900.000.000đ x 2.000đ/ngày x 30 ngày = 114.000.000đ/tháng x 4 tháng = 456.000.000đ. Tổng tiền lãi là 544.000.000đ bà trả 217.000.000đ, còn nợ lại 307.000.000đ + 188.000.000đ tiền nợ cũ là 495.000.000đ. Sau đó bà trả 25.000.000đ, còn nợ lại 470.000.000đ nên bà viết giấy vay số tiền 470.000.000đ.

Sau đó bà D tiếp tục tính lãi số tiền 300.000.000đ x 2.500đ/ngày x 30 ngày = 22.500.000đ/tháng nhưng bà D lấy 22.000.000đ/tháng, từ ngày 01/02/2023 đến ngày 01/6/2023 là 4 tháng x 22.000.000đ/tháng = 88.000.000đ; còn số tiền 1.900.000.000đ x 2.000đ/ngày x 30 ngày = 114.000.000đ/tháng x 4 tháng = 456.000.000đ. Tổng tiền lãi là 544.000.000đ, bà đã trả được 144.000.000đ, nên bà D yêu cầu bà viết giấy vay tiền ngày 01/6/2023 số tiền 400.000.000đ, bà D không đồng ý viết lãi mà yêu cầu bà viết giấy vay tiền.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D vì giấy vay tiền ngày 13/7/2023, số tiền 2.200.000.000đ là giấy ghi lại khoản nợ của giấy vay ngày 07/10/2022 và giấy vay tiền ngày 15/7/2023, số tiền 1.030.000.000đ là giấy chốt nợ tiền lãi của khoản vay ngày 07/10/2022. Đối với giấy ghi ngày 01/6/2023, số tiền 3.400.000.000đ thì đây là tiền lãi của khoản vay ngày 07/10/2022 tính từ tháng 02/2022 đến tháng 05/2022 tiền lãi là 544.000.000đ, bà đã trả được 144.000.000đ nên bà D yêu cầu bà viết giấy vay tiền ngày 01/6/2023 số tiền

400.000.000đ nhưng sau đó bà D tự ghi thêm số “3” và chữ “ba tỷ” thành số tiền 3.400.000.000đ.

Từ ngày 05/10/2022 bà trả cho bà D được nhiều lần bằng chuyển khoản và tiền mặt tổng cộng là 597.000.000đ. Việc bà P trả lãi cho bà D thì bà P trả bằng tiền mặt và chuyển khoản, khi trả bà P có nhắn cho bà D qua tin nhắn zalo và tin nhắn điện thoại. Các tin nhắn zalo và tin nhắn điện thoại bà cung cấp cho Tòa án và tin nhắn bà D cung cấp cho Tòa án thể hiện việc hai bên nhắn tin qua lại rất nhiều, nên bà có xóa các cuộc gọi đi, gọi đến. Bà khẳng định đến ngày 07/10/2022 bà còn nợ bà D số tiền vay gốc là 1.500.000.000đ và 700.000.000đ tiền lãi nên hai bên viết giấy vay tiền ngày 07/10/2022 số tiền 2.200.000.000đ, còn các giấy tháng 02/2023 số tiền 470.000.000đ, giấy ngày 01/6/2023 số tiền 400.000.000đ và giấy ngày 15/7/2023 số tiền 1.030.000.000đ là tiền lãi của số tiền vay ngày 07/10/2022; giấy ngày 13/7/2023 là giấy viết lại số nợ 2.200.000.000đ ngày 07/10/2022, việc này được bà ghi âm, ghi hình tại nhà bà vào ngày 08/8/2023, việc ghi âm ghi hình không ghi hết từ đầu cuộc nói chuyện do khi bà phát hiện bà D không đồng ý trả giấy cũ cho bà, bà mới ghi âm, ghi hình. Nay bà P chỉ đồng ý trả số tiền 3.230.000.000đ của hai giấy vay tiền ngày 13/7/2023 và giấy vay tiền ngày 15/7/2023 cho bà D. Bà không đồng ý trả tiền lãi cho bà D vì số tiền 1.030.000.000đ là tiền lãi của số tiền vay ngày 07/10/2022, giấy vay ngày 13/7/2023 là giấy viết lại số nợ 2.200.000.000đ ngày 07/10/2022 việc này được bà ghi âm, ghi hình tại nhà bà vào ngày 08/8/2023, việc ghi âm ghi hình không ghi hết từ đầu cuộc nói chuyện do khi bà phát hiện bà D không đồng ý trả giấy cũ cho bà, bà mới ghi âm, ghi hình.

Nay bà P chỉ đồng ý trả số tiền 3.230.000.000đ của hai giấy vay tiền ngày 13/7/2023 và giấy vay tiền ngày 15/7/2023 cho bà D. Bà không đồng ý trả tiền lãi cho bà D vì số tiền 1.030.000.000đ sơ thẩm đã là tiền lãi và đề nghị Tòa án xem xét căn trừ số tiền 597.000.000đ bà đã trả cho bà D. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D đối với bà Nguyễn Thị Thúy P về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy P có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị D số tiền 6.523.399.000đ, trong đó tiền gốc là 6.183.819.000đ và tiền lãi là 339.580.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị D đối với số tiền 846.753.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 16/9/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 3.400.000.000đ theo đơn khởi kiện bổ sung.

Ngày 20/9/2024 nguyên đơn bà Ngô Thị D kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà D rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Bà P chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền 2.633.000.000đ, vì bà nợ bà D số tiền 3.230.000.000đ nhưng đã trả cho bà D số tiền 597.000.000đ nên chỉ còn nợ 2.633.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: do nguyên đơn rút toàn bộ kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của bà Ngô Thị D, bà Nguyễn Thị Thúy P; người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị D, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy P thì thấy rằng:

[2.1] Đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị D, tại phiên tòa bà D đã rút toàn bộ kháng cáo. Việc rút kháng cáo của bà D là tự nguyện, đúng pháp luật. Do đó, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà D.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy P:

Theo hồ sơ thể hiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận do có mối quan hệ quen biết và làm ăn với nhau từ năm 2018 đến tháng 7 năm 2023 nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhiều lần, có khoản đã trả, có khoản chưa trả. Theo giấy chốt nợ ngày 07/10/2022 thì bà P nợ bà D số tiền 2.200.000.000đ.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/8/2023 (BL 03) bà D yêu cầu bà P trả số tiền 2.200.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 13/7/2023, số tiền 1.030.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 15/7/2023 và 741.046.000đ tiền lãi.

Đến ngày 11/10/2023 bà D có đơn khởi kiện bổ sung (BL 18) yêu cầu bà P trả cho bà D số tiền 3.400.000.000đ theo giấy ghi ngày 01/6/2023 (không yêu cầu tính lãi). Như vậy, bà D yêu cầu bà P trả tổng cộng số tiền gốc là 6.630.000.000đ của các giấy vay tiền ngày 13/7/2023, 15/7/2023, giấy ghi ngày 01/6/2023 và tiền lãi của khoản vay ngày 13/7/2023, 15/7/2023 tính đến ngày 06/9/2024 là 741.046.000đ.

Bà P chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền 3.230.000.000đ của giấy vay tiền ngày 13/7/2023 và giấy vay tiền ngày 15/7/2023, không đồng ý trả lãi vì số tiền 1.030.000.000đ là tiền lãi và yêu cầu trừ vào số tiền 597.000.000đ bà đã trả lãi cho bà D, tại phiên tòa sơ thẩm bà P xác định đã trả cho bà D số tiền 592.000.000đ.

[2.2.1] Đối với số tiền 3.400.000.000đ theo giấy ghi ngày 01/6/2023:

Quá trình giải quyết vụ án, bà D thừa nhận đã viết thêm số “3”, “ba tỷ” và “các khoản trước đây đã thanh toán xong” vào giấy ngày 01/6/2023 số tiền 3.400.000.000đ. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà D yêu cầu bà P trả số tiền 3.400.000.000đ nhưng thực chất khoản tiền 3.400.000.000đ được bà D sửa từ bản chính giấy vay ngày 1/6/2023 bà P vay của bà D số tiền 400.000.000đ (không tính lãi). Số tiền 470.000.000đ theo giấy ghi tháng 2/2023 bà P cho rằng đây là tiền lãi nhưng nội dung là “P vay thêm Định”. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 11/10/2023, chỉ có căn cứ chấp nhận buộc bà P trả cho bà D số tiền 400.000.000đ và 470.000.000đ theo giấy ghi tháng 2/2023, tổng cộng 870.000.000đ.

[2.2.2] Đối với số tiền 2.200.000.000đ theo giấy vay ngày 13/7/2023 thì thực chất đây là khoản tiền chót nợ ngày 07/10/2022. Bởi lẽ, quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 07/10/2022 hai bên chót nợ. Theo giấy chót nợ ngày 07/10/2022 thì bà P nợ bà D số tiền 2.200.000.000đ nhưng khi khởi kiện nguyên đơn lại không khởi kiện giấy chót nợ ngày 07/10/2022 mà yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 2.200.000.000đ theo giấy vay ngày 13/7/2023. Bị đơn cung cấp các 3 file ghi âm, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã cho đối chất giữa bà P và bà D thì bà D thừa nhận là giọng nói file 1 và 3 là của bà và bà P, còn trong file 2 chỉ có giọng bà P nên bà D không ý kiến. Bà D cũng không yêu cầu giám định đối với các file ghi âm. Cấp sơ thẩm nhận định “các đoạn ghi âm nghe tiếng nhỏ, nghe không rõ” là không đúng. Thực tế, file ghi âm số 3 nghe rõ bà D nói “chỉ có món nợ ba tỷ hai trăm này thôi”, cuộc ghi âm được thực hiện ngày 08/8/2023 thì không thể nào bà P còn nợ bà D số tiền 2.200.000.000đ theo giấy ghi ngày 13/7/2023 mà bà D lại không nhớ. Do đó, việc bị đơn cho rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn viết lại giấy vay tiền 2.200.000.000đ ngày 13/7/2023 nhưng không trả lại giấy chót nợ 2.200.000.000đ ngày 07/10/2022 là có căn cứ chấp nhận.

Theo giấy vay tiền ngày 07/10/2022 thì các khoản trước đây đã thanh toán xong nên đây là giấy chốt nợ, trong giấy chốt nợ không ghi lãi suất cũng như thời hạn trả. Nguyên đơn trình bày thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, bị đơn cho rằng lãi suất 2.000đ/triệu/ngày và 2.500đ/triệu/ngày. Như vậy, các bên có tranh chấp về lãi. Căn cứ khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi 0.83%/tháng, thời hạn trả không xác định nên thời gian tính lãi từ ngày bà D khởi kiện 21/8/2023 đến ngày 11/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 12 tháng, 20 ngày. Cụ thể: $2.200.000.000đ \times 0.83\%/tháng \times 12 tháng 20 ngày = 231.293.000đ$ (làm tròn).

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 228.000.000đ nên trừ vào tiền lãi cho bị đơn là phù hợp. Do đó, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền $231.293.000đ - 228.000.000đ = 3.293.000đ$ tiền lãi. Như vậy, cả gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền $2.200.000.000đ + 3.293.000đ = 2.203.293.000đ$.

[2.2.3] Đối với số tiền 1.030.000.000đ ngày 15/7/2023 và tiền lãi 235.610.000đ thấy rằng:

Theo giấy vay tiền ngày 15/7/2023 có nội dung: Ngày 15/7/2023 bà P vay của bà D số tiền 1.030.000.000đ, lãi xuất 1%/tháng, thời hạn vay 15 ngày. Bà P thừa nhận đã ký và viết tên Nguyễn Thị Thúy P. Bà P cho rằng giấy này là giấy ghi tiền lãi của số tiền vay 2.200.000.000đ ngày 07/10/2022, nguyên đơn không thừa nhận và nội dung giấy vay tiền cũng không thể hiện tiền lãi như bà P trình bày. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà P trả cho bà D số tiền 1.030.000.000đ là có căn cứ.

Về tiền lãi: Giấy vay tiền không thể hiện lãi suất, thời hạn trả nợ. Bà D thừa nhận tự ghi thêm “1%/tháng” và thời hạn trả “15 ngày”. Bà P cho rằng khoản tiền này không có lãi, không thời hạn trả nợ. Do đó, xác định có tranh chấp về lãi. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi, thời hạn trả không xác định nên thời gian tính lãi từ ngày bà D nộp đơn khởi kiện 21/8/2023, đến ngày 11/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 12 tháng 20 ngày $\times 0.83\%/tháng \times 1.030.000.000đ = 108.287.000đ$. Bị đơn phải trả cho nguyên đơn cả gốc và lãi là $1.030.000.000đ + 108.287.000đ = 1.138.287.000đ$.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với giấy vay tiền ngày 07/10/2022 số tiền 2.200.000.000đ, sau đó lại tiếp tục chấp nhận giấy vay 2.200.000.000đ ngày 13/7/2023 là đánh giá không đúng bản chất của vụ án, chấp nhận cho nguyên đơn 2 lần đối với số tiền 2.200.000.000đ theo giấy chốt nợ ngày 07/10/2022.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền $870.000.000đ +$

$2.203.293.000đ + 1.138.287.000đ = 4.211.580.000đ$. Trong đó, nợ gốc là 4.100.000.000đ, nợ lãi 111.580.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị D đối với bà Nguyễn Thị Thúy P số tiền $7.371.046.000đ - 4.211.580.000đ = 3.159.466.000đ$

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn phải chịu chi phí giám định số tiền 5.180.000đ (đã ứng chi và quyết toán xong).

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền khởi kiện không được chấp nhận. Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà D. Sung công số tiền 300.000đ bà D đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị D.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy P, sửa bản án sơ thẩm.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị D đối với bà Nguyễn Thị Thúy P về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy P có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị D số tiền 4.211.580.000đ (Bốn tỷ hai trăm mười một triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc là 4.100.000.000đ, tiền lãi là 111.580.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị D đối với số tiền 3.159.466.000đ (Ba tỷ một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Bà P phải chịu số tiền 5.180.000đ phí giám định (đã ứng chi và quyết toán xong).

4. Về án phí:

Bà Ngô Thị D phải chịu 95.189.320đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 99.146.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005924 ngày 31/8/2023 và Biên lai thu số 0005909 ngày 01/11/2023. Sung công số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006585 ngày 23/9/2024 đều của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà D số tiền 3.956.680đ tạm ứng án phí còn thừa.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy P phải chịu 112.211.580đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006590 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Bà P còn phải nộp 111.911.580đ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND thành phố Bảo Lộc (01);
- Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt